

TƯỚNG PENNEQUIN VÀ ĐỀ ÁN QUÂN ĐỘI DA VÀNG (1911-1915)*

Nguyên tác: Mireille Le Van Ho**

Người dịch, bổ chú: Hoàng Ứng Huyền,

Nguyễn Bá Dũng***

Khi Thế chiến 1914-1918 nổ ra ở châu Âu thì từ cuối năm 1915 đã bắt đầu cuộc di dân hàng loạt lần thứ nhất và lao động Đông Dương được đưa đi rất xa: đã có gần 90.000 người đàn ông được tuyển mộ chủ yếu từ nông dân nghèo khổ của đồng bằng Bắc Kỳ (Tonkin) và Bắc Trung Kỳ (Nord-Annam) được đưa đến mậu quốc các năm 1915-1919, một phần trong làn sóng 900.000 người dân thuộc địa đã bị nước Pháp huy động.⁽¹⁾

Việc nhập cư người Việt vào Pháp đã là hiện tượng bình thường trong các năm 1910-1911, nhưng sự dịch chuyển này dù được tổ chức và kiểm soát một cách cẩn thận bởi chính quyền thuộc địa cũng chỉ giới hạn cho vài trăm cá nhân.⁽²⁾ các học sinh được cấp học bổng của Phủ Toàn quyền Đông Dương, một số sinh viên, quan lại đi công cán, tất cả các thành phần này hình thành nên lớp người “đi Tây”. [Trường hợp] Phan Châu Trinh⁽³⁾ đến [Pháp] năm 1911 sau khi bị giam ở Côn Lôn (Poulo-Condore) đã phá vỡ truyền thống di cư gần như là “chế định”; tuy nhiên, mặc dù đã thành lập *Hội những người yêu nước An Nam* và có sự giúp đỡ tích cực của Phan Văn Trường, cuộc vận động sinh viên xung quanh nhà lãnh tụ theo chủ nghĩa quốc gia chỉ bắt đầu hình thành trước chiến tranh.

* Nguồn: *Revue française d'histoire d'outre-mer*, tome 75, n°279, 2e trimestre 1988, pp. 145-167 (*Tạp chí Lịch sử Pháp quốc hải ngoại*, tập 75, số 279, Quý II năm 1988, tr. 145-167). Theo: https://www.persee.fr/doc/outre_0300-9513_1988_num_75_279_2658

Chú thích của nguyên tác: Nội dung của bài nghiên cứu này dựa trên một số giấy tờ chưa được công bố, còn chưa được phân loại, cũng không thuộc về Văn phòng quân sự của Phủ Toàn quyền, được rút ra từ loạt Q 9 (hoạt động quân sự) của phòng Phủ Toàn quyền tại [Trung tâm] Lưu trữ hải ngoại ở Aix-en-Provence. Mười lăm cặp tài liệu liên quan đến việc tuyển mộ lính cho mậu quốc và trong số đó có một số tài liệu năm 1911 và 1912 về Đề án Quân đội Da vàng (với cuộc thảo luận tại Ủy ban Tư vấn quốc phòng thuộc địa do ông Gallieni chủ trì), lại được xem xét năm 1916 để hợp thức hóa việc mộ lính cho cuộc chiến tranh thế giới và một cơ sở dữ liệu số do người ta đưa ra.

Các chữ viết tắt được sử dụng như sau: A.N.: Archives nationales (rue des Francs-Bourgeois); A.O.M.: Archives d'outre-mer (Aix-en-Provence); A.N.S.O.M.: Archives nationales, section outre-mer (rue Oudinot); f.n.c.: phòng không phân loại.

** Mireille Le Van Ho: Nhà Lưu trữ - Cổ tự học, tác giả sách *Des Vietnamiens dans la Grande Guerre: 50.000 recrues dans les usines françaises (Người Việt trong Đại chiến: 50.000 tân binh trong các nhà máy tại Pháp)*, Paris, Vendémiaire, 2014. ND.

*** Hà Nội.

Cùng với sự lan rộng của chiến tranh, xứ Đông Dương, vốn trước năm 1914 chưa được biết đến, đã xuất hiện ngày càng nhiều hơn, tùy theo việc huy động công nhân Pháp ra mặt trận, như một nguồn lực bổ sung cho quân đội và lính thợ, đặc biệt là tại thời điểm khi nước Pháp buộc phải thiết lập ngành công nghiệp chiến tranh của mình. Việc xây dựng các nhà máy sản xuất vũ khí khổng lồ có nghĩa là sự gia tăng điên cuồng của sản xuất và năng suất, mà nhà nước và nền công nghiệp, những thế lực cần thiết ở thời điểm này, theo đuổi phương pháp quản lý Taylor (Taylorisme)⁽⁴⁾ và khai trương các thử nghiệm đầu tiên của phương pháp Ford (Fordisme). Sự ra đời và thành công của các kỹ thuật làm việc mới dựa trên việc huy động một khối lượng lớn lao động phổ thông, ngoan ngoãn và được trả lương thấp, sự huy động trong giai đoạn 1914-1918 được thuận lợi là nhờ sự can thiệp có hệ thống của nhà nước trong tất cả các lĩnh vực của ngành công nghiệp chiến tranh.

Đối mặt với sự thiếu hụt lao động nữ, nước Pháp tổ chức tuyển dụng binh lính và công nhân rộng rãi mà đa phần là những nông dân mù chữ, chẳng mấy chốc họ phải đối mặt với một thế giới công nghiệp đầy biến động và chính ở đó họ được trải nghiệm các kỹ thuật làm việc mới.

Ở Đông Dương, việc tuyển mộ cho phép đánh giá các phản ứng của chính quyền thuộc địa cũng như việc thiết lập và hiệu quả thực tế của các cấu trúc được ấn định trong 50 năm hiện diện của Pháp. Người ta không tuyển mộ những người được miễn trừ hình phạt và lần đầu tiên 90.000 người đàn ông, được dự định phục vụ mẫu quốc, mà không gây ra sự xáo trộn xã hội lớn; việc tuyển mộ có thể tạo cơ hội cho những kẻ nổi loạn ở xứ thuộc địa – mà về lâu dài phải dẹp loạn – và cho phong trào dân tộc được tổ chức từ năm 1906 bởi một đảng hiện đại (parti moderne)⁽⁵⁾ mà xu hướng thể hiện của nó gắn với chủ nghĩa khủng bố thông qua một loạt các cuộc tấn công trong năm 1912 và 1913.⁽⁶⁾ Sự rút bớt đáng kể đội quân chiếm đóng người Âu ở thuộc địa, sự thu nhỏ nói chung biên chế của Pháp và quân đội Đông Dương đã giảm được 20.000 người và sắp xếp lại ba phần tư người bản địa [trong biên chế] mà vẫn thể hiện được lòng trung thành, cung cấp các điều kiện chưa từng có cho một cuộc tấn công những người theo chủ nghĩa dân tộc. Nhưng có thể tuyển mộ [người bản xứ] cũng là một cơ hội cho sự phát triển chính sách thuộc địa: Những người Việt từ nay trở đi đóng góp trong các nhà máy và trên chiến trường nước Pháp, quyền lợi của họ được tích hợp vào đời sống chính trị và kinh tế của đất nước họ.

Dưới sức ép đáp ứng nhu cầu của lao động và binh lính, nước Pháp thông qua tiếng nói của các bộ trưởng và nghị sĩ năm 1916, đã xem xét lại đề án Quân đội Da vàng, được trình bày năm 1912 bởi tướng [Théophile] Pennequin, và sử dụng nó như là một cơ sở lý thuyết cho việc tuyển mộ; mục đích của nó bây giờ khác xa với những dự định ban đầu của tướng Pennequin.

Năm 1916, việc nhờ cậy thuộc địa không phải là một ý tưởng mới: tướng [Charles] Mangin đã là người khởi xướng từ năm 1907, khi có sự biến Maroc và với việc công bố *Lực lượng Da đen (la Force noire)* năm 1910, trong đó có sự tiếp sức của một chiến dịch báo chí⁽⁷⁾ cho quân đội thực dân, được đề xuất bởi chính Mangin và một số tướng lĩnh trung thành với ý tưởng của ông. Tỷ lệ sinh đẻ giảm ở Pháp là tham số quan trọng của chiến dịch: làm thế nào 40 triệu người Pháp chống lại 64 triệu người Đức, và quan trọng hơn, khi luật năm 1905 quy định giảm nghĩa vụ quân dịch bắt buộc xuống còn hai năm? Mangin đề xuất hai “phương cách”: hỗ trợ gia đình và xã hội để thúc đẩy tỷ lệ sinh, tiến hành trong thời gian dài, và trong trường hợp nhu cầu trước mắt, cần nhờ cậy Đế chế, bằng cách tìm kiếm nguồn nhân lực ở các thuộc địa, gần nhất là Tây Phi thuộc Pháp (A. O. F)⁽⁸⁾ và Bắc Phi. Trước hết cần có văn bản phê chuẩn để bù lại việc phục vụ mẫu quốc, Quân đội Da đen chỉ là đối tượng để biện giải về quân sự và sau đó là chính trị: Mangin đã nhấn mạnh đến “khuyếch trương” của người châu Phi đối với chiến tranh và khả năng của lính bản xứ, người biết đọc và người có học, một tác nhân tích cực cho chính sách đồng hóa và tốt nhất để thi hành quản lý hành chính và thuộc địa Pháp. Đề án quân sự chặt chẽ, Lực lượng Da đen không chỉ đối lập với các nhà xã hội, những người đã tạo dựng nên “một lực lượng ngự lâm (prétorienne) để phục vụ giai cấp tư sản và tư bản”, đưa ra luận điểm chống lại giai cấp vô sản “đối với tình trạng thiếu hụt cảnh báo về bất ổn dân sự và đối kháng xã hội”⁽⁹⁾ nhưng nó cũng gây ra một cuộc tranh luận giữa những người muốn nắm giữ tương lai của các thuộc địa với các yếu tố kinh tế, chính trị và con người và những người không chỉ tìm thấy phương tiện để nâng cao uy tín của Pháp, bằng cách trả cho các thuộc địa “phí quân dịch”.

Không được quan tâm trong các lý thuyết của Mangin, Đông Dương ở quá xa, cũng là một đối tượng, trong cùng một khoảng thời gian, cùng một dự án quân đội chuyên biệt, trong đó, ngoài bối cảnh quân sự, đã tự đề xuất một chương trình thực tế “Chính sách bản địa” và phác thảo của một hệ thống thuộc địa mới.

Tướng Pennequin, tác giả của đề án Quân đội Da vàng, được đề xuất năm 1911, là chỉ huy cấp cao các đội quân ở Đông Dương. Sinh ra ở Toulon năm 1849, Pennequin⁽¹⁰⁾ học Trường quân sự Saint-Cyr, và sau cuộc chiến tranh năm 1870, phục vụ liên tục ở Guyane và Martinique từ năm 1872 tới 1875. Ông lưu trú lần đầu tiên ở Đông Dương các năm 1877-1882 và trở lại Bắc Kỳ năm 1888, sau khi tham gia chiến dịch ở Madagascar với quân hàm Đại tá (1883-1886). Cùng với Pavie, ông bình định khu vực⁽¹¹⁾ Sih-Song Chau-Thai⁽¹²⁾ (Sông Đà 1889), bằng cách thi hành đường lối ngoại giao khôn khéo và tôn trọng các cam kết có ảnh hưởng đối với dân chúng và quân Cờ Đen; từ đó đội quân này phải tổ chức trở về Trung Quốc (tháng 4/1889).

Năm 1896 Pennequin lại được giao cho chiến dịch bình định lần thứ hai ở Sông Hồng. Sau khi dẹp loạn Pennequin trở về Pháp; được thăng Tướng hai sao (Général de Brigade) năm 1898, ông thay thế [Joseph] Gallieni làm Quyền Thống đốc Madagascar 16 tháng. Được thăng Tướng ba sao (Général de Division) năm 1904, ông đã chỉ huy quân đội ở Nam Kỳ (Cochinchine) 1906-1907; các năm 1911-1912, ông là chỉ huy cấp cao của quân đội ở Đông Dương, và nhận ra sự cần thiết để cho các thuộc địa tự bảo vệ được họ, ông đã nghiên cứu ba bài giảng cho các sĩ quan ở Hà Nội⁽¹³⁾ (ngày 10/6/1912 chuyển giao cho Tướng tư lệnh sư đoàn quân Trung Kỳ-Bắc Kỳ⁽¹⁴⁾), về việc xây dựng một quân đội tự chủ và tạo dựng một bộ khung sĩ quan bản địa. Hai kinh nghiệm thời trước, do chuẩn bị kém, đã thất bại thảm hại: năm 1879,⁽¹⁵⁾ người ta đã đặt ra các sĩ quan An Nam trong các đội quân bản xứ; nhưng việc lựa chọn chỉ đơn giản trong số các hạ sĩ quan, gần như thất học và đái ngộ với một khoản lương ít ỏi, họ đã phải cắt giảm thuế (thập phân) trên lương của những người đó. Sau này, năm 1885,⁽¹⁶⁾ sau khi xảy ra các sự kiện tại Huế, một phái đoàn quân sự Pháp đã được giao tổ chức và hướng dẫn cho những người châu Âu về quân đội Hoàng gia An Nam, nhưng cuộc thử nghiệm đã phải kết thúc đột ngột vì các sĩ quan của phái bộ không hiểu biết gì về Đông Dương.

Không giống như Quân đội Da đen, được huấn luyện trước hết là để tuân thủ các mệnh lệnh chiến lược của mẫu quốc, đề án Quân đội Da vàng là để cho phòng thủ Đông Dương, được thiết kế bởi Pennequin trong viễn cảnh rộng lớn của một chương trình phát triển chính trị và xã hội của Đông Dương, mà tất yếu sẽ dẫn đến độc lập.

Những suy nghĩ của Pennequin bắt đầu từ nhận thức được sự nghiêm trọng của tình hình quân sự ở Đông Dương: việc thành lập mới đây của quân đội quốc gia Trung Quốc trong cuộc cách mạng năm 1911, sự vũ trang của nước Xiêm (Siam), sự thất bại của các lực lượng hải quân Nga năm 1905 trước người Nhật và sự xâm chiếm Triều Tiên của Nhật năm 1910, là mối đe dọa đối với việc phòng thủ Đông Dương, mà các đạo quân châu Âu còn thiếu khả năng trong trường hợp có các cuộc tấn công từ bên ngoài. Trong một bài viết trên *Revue de Paris*, Pennequin ước tính cần khoảng 170.000 người cho việc bảo vệ lãnh thổ.⁽¹⁷⁾

... Tình trạng hiện tại của Đông Dương đòi hỏi rằng nó phải là một “nhà nước quân sự” bình thường, được xem như là guồng máy không để chiếm đóng mà để phòng thủ. Thế nhưng cách hành xử thế nào khi chúng ta hầu như thất bại trước nghĩa vụ: Đông Dương không được bảo vệ. Cần phải dự liệu rằng ngoài các lực lượng hiện tại bị cuốn hút vào việc chiếm đóng thì cần một khối lượng nhân sự tương tự trước mắt là 120.000 người, và ở Nam Kỳ để đối phó với sự can thiệp của Xiêm, cần 50.000 người để bảo vệ vững chắc vị trí Sài Gòn - Cap Saint Jacques [Vũng Tàu]...

Pennequin sau đó kết luận sự cần thiết bắt đầu huấn luyện ngay lập tức sĩ quan của quân đội Đông Dương tương lai, thậm chí việc huấn luyện sĩ quan còn cấp bách hơn để trong trường hợp có chiến tranh ở mẫu quốc, chắc chắn sẽ xảy ra việc triệu hồi sĩ quan người Pháp.

Đề án của Pennequin đã đặt lại vấn đề toàn cầu về hệ thống thuộc địa của Pháp. Trong một báo cáo gửi Bộ trưởng Bộ Thuộc địa,⁽¹⁸⁾ tháng 8/1911, về khả năng lập ra một bộ khung sĩ quan bản xứ, Pennequin bắt đầu lời biện hộ của mình bằng sự điều chỉnh về chính trị và đề nghị hủy bỏ tư tưởng thực dân đang thống trị: “Lý do mà tôi yêu cầu là trật tự chung và thậm chí là về chính sách...”. Dĩ nhiên các mối quan tâm về quân sự vẫn luôn hiện diện và mô hình kiểu Anh của quân đội bản xứ là cơ sở cho một phần của lý luận: Quân đội Ấn Độ đã có trong hàng ngũ của họ 120.000 người được tuyển mộ trong nước và quản lý bởi các sĩ quan bản xứ. Nhưng người Anh cũng duy trì một đội quân da trắng 60.000 người và sĩ quan bản xứ hoàn toàn phụ thuộc sĩ quan người Anh, cùng với đó sĩ quan bản xứ bậc cao nhất nhận được mức lương thấp hơn ba lần so với mức lương của sĩ quan khởi nghiệp người Anh trẻ hơn. Trong con mắt của Pennequin, quân đội Đông Dương tương lai phải tránh những trở lực, bằng cách cấp lương như nhau cho hạ sĩ quan Pháp và bản xứ.⁽¹⁹⁾

Sĩ quan bản xứ chỉ như là một vai đóng thế của sĩ quan Pháp: vai trò của thượng sĩ bản xứ vẫn chưa được xác định; trung sĩ bản xứ dưới sự chỉ huy của trung sĩ Pháp không hề có một sáng kiến gì. Ngoài ra, họ không hài lòng với sự ít thăng tiến, tiền lương thấp và thiếu sự tôn trọng sau sự phục vụ lâu dài và trung thành của họ. [...] Nhằm để được giữ lại trong quân ngũ, các hạ sĩ quan phải có giấy chứng nhận tốt nghiệp, phù hợp cho mọi công việc khác nhau dành cho hạ sĩ quan [...] thậm chí còn nhận được ủng hộ và sẽ được hòa nhập hoàn toàn như cách đối xử với các hạ sĩ quan Pháp. Với những sĩ quan mạnh mẽ này, chúng ta có thể tạo ra hình ảnh các đội quân An Nam của chúng ta, có đủ tầm cỡ để loại bỏ các mối đe dọa quân sự từ Trung Quốc. Nó sẽ là một cách thức để làm nảy sinh ra và cho Pháp hóa một nhóm tinh hoa đầu tiên, sau đó là số lượng đại trà, mà đối với họ việc trao đổi các ý tưởng và lợi ích sẽ có tác dụng hai chiều.

Về phần lệ thuộc không thể tránh khỏi của hạ sĩ quan Pháp đối với sĩ quan bản xứ tương lai, Pennequin giải quyết bằng việc loại bỏ các hạ sĩ quan da trắng ở các đội quân, chỉ để là người đứng đầu tiểu đoàn; giữ hình ảnh như của người Anh cũng như người Âu.

Đi trước các nhà lý thuyết “*national building*” [nguyên văn tiếng Anh: *dựng nước*] của người Mỹ nửa thế kỷ, Pennequin quan niệm nền độc lập và sự hình thành của nhà nước chỉ xoay quanh một tổ chức kết hợp chặt chẽ và hiện đại của

đất nước là quân đội. Tại thời điểm ổn định của chế độ thực dân, sự lựa chọn giải phóng thuộc địa đã phát sinh thông qua một ý nghĩ hẹp, nhưng đặc biệt sáng suốt trong hệ thống thuộc địa Pháp. Ngay từ đầu thế kỷ này, Pennequin đã cảm nhận được con đường tiến tới độc lập ở các nước thuộc địa có thể vượt qua nhờ xây dựng một quân đội quốc gia.

Nhưng quân đội “quốc gia” này, mà toàn bộ sĩ quan đều là người bản xứ, trong mắt của Pennequin, chỉ là một công cụ để phục vụ cho chính sách của một *self-governmen* [nguyên văn tiếng Anh: *chính phủ tự trị*]. Dùng mô hình của người Anh làm cảm hứng một phần để biện minh cho việc xây dựng một bộ khung sĩ quan bản xứ, đó là mô hình của Mỹ đã được thực hiện ở Philippines, cuối cùng ông phân tích:⁽²⁰⁾

Theo chúng tôi, người Mỹ chinh phục Philippines ít dùng vũ khí hơn nhiều nhờ giáo dục. Một trong những hành động đầu tiên của họ là tạo ra 700 trường học và một trường đại học ở Manila. Hôm nay, tiếng Anh sẽ thay thế tiếng Tây Ban Nha. Vốn của Mỹ đã lũng đoạn các đồn điền và các ngành công nghiệp Tây Ban Nha. Họ đã tạo ra những cái mới, bởi vì một người có học là người có kinh nghiệm mạnh mẽ để giảng giải và hoàn thành công việc hơn một người bị giam hãm trong dốt nát. Việc chinh phục kinh tế đã hoàn tất. Nó sẽ giải phóng nước Mỹ khỏi những mối quan tâm về chính trị. Họ [nước Mỹ] tuyên bố rằng họ sẽ trao cho Philippines nền độc lập khi người Phi có đủ khả năng để tự cai quản. Họ đã bắt đầu giữ lời hứa này: những người sinh ra tại đây là đại diện của đất nước tham gia Hội đồng chính phủ có số lượng tương đương số đại diện người Mỹ. Nước Cộng hòa Philippines, khi ra đời, sẽ không còn phụ thuộc về tinh thần và kinh tế của Liên minh. [...]

Ứng xử khéo léo này đã sinh ra sự bối rối khá nghiêm trọng dẫn đến xung đột với Nhật Bản. Những gì họ đã chăm lo cho người Philippines cũng như chúng ta cho người An Nam, đã làm cho trong giờ phút nguy hiểm, tất cả những người ủng hộ nền độc lập sẽ chống lại họ. Đó là nghịch cảnh của ngày hôm nay. Nếu Nhật Bản cố gắng thử một ngày nào đó giúp đỡ Manila, sẽ thấy trước mắt một nhà nước đã hùng mạnh, sẵn sàng giúp đỡ mà không màng lợi ích, đó là nước Mỹ. Do đó, họ đã loại bỏ các mối đe dọa của câu ngạn ngữ: châu Á [dành] cho người châu Á.

Pennequin lên án thái độ lười biếng, nắm chặt đặc quyền của hệ thống thuộc địa Pháp đối với người Việt Nam và tán dương về sự cần thiết phải chuyển đổi hoàn toàn ý thức hệ tư tưởng thực dân Pháp, cho dù đất nước muốn duy trì, nhưng các thuộc địa của nó lại muốn khác. Thúc đẩy giáo dục cho người Việt vì “chỉ có thể mới tạo ra một tầng lớp người Pháp hóa ưu tú có thể dẫn dắt quần chúng” thông qua nghiên cứu tiếng Pháp và khoa học phương Tây, họ được phép tiếp cận vào tất

cả các việc làm công cộng và, nói chung, thực hành một chính sách hợp tác thực tế và rộng rãi tại tất cả các cấp, như thế trong mắt của Pennequin các yêu cầu của chính sách thực dân mới này, trong một thời gian ngắn được chuyển đổi thành một loại chủ nghĩa đế quốc hiện đại. Tuy nhiên chính sách hiện đại hóa đất nước này phải tôn trọng các tế bào cơ bản của xã hội Việt Nam đó là làng xã, mà Pennequin đánh giá là chịu nhiều biến động bởi sự hiện diện của Pháp qua nửa thế kỷ. Thực tế, sự suy thoái của làng xã hiển nhiên được cải thiện ít nhiều mà ta có thể nghĩ tới khi ấy và được quá trình tuyển mộ chứng minh một cách phong phú.

Đề xuất của Pennequin dựa trên một cuộc khảo sát sáng suốt rằng xã hội Việt Nam biến đổi bởi quá trình thực dân hóa, và đã nổi lên, nếu không phải là giai cấp thì ít nhất là các nhóm mới, mà nước Pháp cần phải trông cậy vào nếu muốn giữ nguyên trạng thái: đó là giai cấp tư sản, tầng lớp tinh hoa mà người Pháp phải thỏa hiệp bằng cách ưu ái cho họ tiếp cận với công việc dân sự, cũng như cả công việc quân sự là việc mà họ có xu hướng xem thường.⁽²¹⁾

Sự tiến triển hiện tại của ý tưởng và nguyện vọng của giai cấp tư sản đang hiện diện, mong muốn rõ ràng được tham gia nhiều hơn trong việc tiến hành công việc của đất nước, [...] Tôi không sợ [...] của sự đề xuất việc người An Nam gia nhập các bậc sĩ quan. Một khi chúng ta đồng ý về sự cần thiết có một chính sách hợp tác và khi chúng ta chấp nhận sự tham gia của người An Nam vào tất cả các chức năng công cộng là không thể tránh khỏi, chính đáng và thuận lợi thì việc áp dụng những nguyên tắc này không chỉ giới hạn với công việc dân sự mà cũng nên được áp dụng cho hoạt động quân sự để được hưởng lợi.

Đó là tất cả để Pennequin mở rộng phạm vi tuyển mộ quân đội An Nam, bằng cách cho tuyển mộ con các nhà nho, cũng không bỏ qua việc cải thiện tình trạng của các đội quân và hạ sĩ quan người bản xứ xuất thân hầu hết từ phần nghèo khổ nhất của quần chúng nông dân, mà trong đó có một số ít bắt buộc trở thành người ăn xin hoặc kẻ cướp do gặp thiên tai bất thường. Để trừ tận gốc các điều này, quân đội Pháp phải cam kết đảm bảo đủ ăn hàng ngày cho họ, đồng thời tạo cơ hội tích lũy một phần nhỏ tiền phụ cấp để khi trở về làng quê, họ giàu có hơn và được nể trọng hơn; họ nghĩ như thế. Nhưng những người có tiếng tăm ở làng xã lại không dễ dàng cởi mở với họ, mà còn xem họ đơn giản chỉ là kẻ *nha-quê* [nguyên văn]. Để giúp đỡ hòa nhập cho binh lính giải ngũ cần đặt ở mỗi làng một nhân viên đại diện để phổ biến các ý tưởng của Pháp, chọn trong số người có tiếng tăm đồng thời còn khá gần gũi nguồn gốc nông dân để có ảnh hưởng đến cộng đồng nông thôn. Nếu phủ nhận những lợi ích này là nắm giữ rủi ro thấy trước là có sự chao đảo trong các trại [lính] có sự đối nghịch, nếu thế giới nông dân bắt đầu chuyển dịch: "... nó sẽ chỉ quay sang chống lại chúng ta, nếu cả làng của nó bị đặt vào tình trạng nổi loạn và nếu các cuộc nổi dậy là phổ biến".⁽²²⁾ Gặp gỡ và thâm nhập các

giai cấp truyền thống nhờ tập hợp và qua trung gian của các “giai cấp” mới mà Pennequin hiểu thấu những suy nghĩ và đề xuất đề án Quân đội Da vàng. Những việc thực hiện cụ thể là thiết lập một nền giáo dục quân sự các cấp: trường thiếu sinh quân, trường học viên hạ sĩ [école d’élèves-caporaux⁽²³⁾], trường hạ sĩ quan; đề tuyển chọn học viên sĩ quan, số được chọn sẽ được gửi sang mẫu quốc, tại trường Saint-Maixent hoặc trường chỉ huy quân sự tại Versailles. Sau khi tốt nghiệp, họ sẽ được bổ nhiệm là sĩ quan trong cùng điều kiện và cùng một chức danh như học viên người Pháp, với các quyền lực và quyền lợi như nhau.⁽²⁴⁾

Là người dự báo về chủ nghĩa đế quốc hiện đại, việc xác định cách thức thay đổi thuộc địa là tốt hơn duy trì thuộc địa; Pennequin hiểu rõ và đã chứng minh một cách rõ ràng về xã hội Đông Dương và tương lai của chế độ thực dân mà một số ít còn bất đồng ý kiến trong thời đại của ông. Các nhà dân tộc chủ nghĩa⁽²⁵⁾ còn chưa nhận ra rằng những nỗ lực của họ để thu phục binh lính và đẩy họ đến chỗ nổi loạn bị thất bại cũng lâu như khi chính họ không tìm cách phá vỡ trật tự xã hội ở làng quê, tập hợp nông dân và không chỉ nông dân là lính đã giải ngũ, mà cả những người có vũ khí. Sự lựa chọn yếu tố chiến thuật, để hình thành lính chính quy và dân binh không thể đạt được nếu không có một “công việc căn bản”, nhằm làm dao động tinh thần và cải biến cơ sở chiến lược của xã hội Việt Nam, đó chính là 95% nông dân. Đối với giới thực dân, ngoài Bộ tham mưu thì phần còn lại là những kẻ thực dân, không quan tâm đến tiền bạc, họ khoác lên mình tất cả những thái độ mà Pennequin trong đề án của mình gọi là, của những kẻ lỗi thời với một tính hiềm độc để giành quyền tưởng tượng ra bao nhiêu ý tưởng có thể gây nên scandal: chỉ xuất hiện trong một nhóm hạn hẹp các cán bộ cấp cao của Bộ tham mưu; và những nhân vật thuộc về mẫu quốc không hợp ý đa số thuộc địa Pháp. Những năm trước Thế chiến I cũng như trước năm 1945, có một thiểu số thực tế, [đã] nhận thức được sự tất yếu [cần] chấm dứt ách thực dân và đặt sự lựa chọn thay đổi này cho [nhóm] thực dân đa số – những người ủng hộ con đường thực dân không thay đổi.

Đề án của Pennequin khi trình bày – với một phần mở đầu nhấn mạnh các khía cạnh xã hội và chính trị của vấn đề – đã gây ra một làn sóng phản đối ở tất cả các tầng lớp xã hội thực dân, đặc biệt là sĩ quan và quan chức. Người ta lên án thái độ “chuộng bản xứ” [*indigénophile*]; cho rằng chủ yếu là chủ nghĩa thực dụng, đồng thời kém sáng suốt – đặc trưng cho toàn bộ sự nghiệp của Pennequin.

Đề án của Pennequin được nghiên cứu tại hai phiên họp của Hội đồng cố vấn bảo vệ thuộc địa, các ngày 20/11 và 20/12/1912,⁽²⁶⁾ mà thành viên trong số đó gồm, Gallieni – người đứng về phía những ý tưởng của Pennequin, [Joseph] Sucillon và [Pierre] Famin – người cuối cùng là Tổng Chỉ huy [directeur] các đạo quân thuộc địa năm 1916, và cả hai kịch liệt phản đối Pennequin. Các cuộc thảo luận tập trung vào ba điểm mà người ta muốn ngăn cản việc thông qua đề án này, nhưng ngay

từ đầu, Hội đồng khước từ quan điểm tổng quan của Pennequin: “Sự phát triển về quân sự của một dân tộc chỉ nên đi sau những phát triển xã hội và chính trị mà không nên vượt lên trước”.⁽²⁷⁾ Hội đồng yêu cầu phải bắt buộc duy trì bộ khung sĩ quan và hạ sĩ quan Pháp, với sự lệ thuộc của sĩ quan bản địa vào sĩ quan Pháp; bỏ ra ngoài vấn đề lòng trung thành của các đội quân bản địa, được quản lý duy nhất bởi các sĩ quan và hạ sĩ quan người Việt, và diễn tả nguy cơ thấy trước là quân đội “quốc gia” này sẽ dần dần đất nước để chống lại sự chiếm đóng của Pháp. Thay vì đồng ý với Pennequin, những người chống đối ông đã không chế hoàn toàn các tác động chính trị trong các kiến nghị của ông. Kết luận, Hội đồng từ chối việc gạt ra ngoài các sĩ quan Pháp ở các đội quân, chấp nhận các nguyên tắc của việc đào tạo các sĩ quan bản địa, nhưng hạn chế nghề nghiệp của họ đến bậc trung úy và không bao giờ gợi ý về những cách thiết thực để đào tạo họ.

Cụ thể, họ tự thỏa mãn khi đề xướng “Cải thiện điều kiện vật chất và tinh thần của các đội quân bản địa” bằng cách tăng lương dần dần, phục hồi tiền đặc cấp quân nhân (phụ cấp), cấp một phần ruộng đất công, miễn thuế thân và miễn lao dịch cho các gia đình lính tập đang tại ngũ và cho tất cả quân nhân nghỉ hưu sau 15 năm phục vụ. Một báo cáo tháng 4/1913⁽²⁸⁾ của Ủy ban Kỹ thuật quân đội Đông Dương, có nhiệm vụ tường trình chính xác về phương thức có thể áp dụng của lý thuyết này, đã tiến hành tổng kết các quan điểm về nó khá tàn nhẫn cộc cằn: Về chính trị, uy tín của người châu Âu ở vùng Viễn Đông sẽ bị tổn thương nghiêm trọng nếu người ta bó buộc “một người lính Pháp tỏ dấu hiệu bên ngoài về sự tôn trọng đối với một người An Nam có cấp bậc, [...], nói chung anh ta [người An Nam] là một thuộc hạ trên mọi quan điểm”. Mặt khác, “nước Pháp đã quan tâm đến quá mức [việc] quân sự hóa Đông Dương đến cùng”, câu hỏi về Nhật Bản, “quân sự hóa nhờ châu Âu, đã cho một câu trả lời vang dội”.⁽²⁹⁾ Về xã hội, những cải cách này không chỉ tạo ra sự bất mãn trong xã hội thực dân Pháp, mà còn làm nổi lên sự chia rẽ giữa các nhà chức trách dân sự và quân sự của một quốc gia, mà sự đoàn kết của các thể lực chính là điều kiện để duy trì thuộc địa; sự đồng hóa theo kiểu quân sự cuối cùng chỉ càng làm bề mặt yếu tố Pháp của quân đội Đông Dương và làm tăng lên gấp bội các hành vi vô kỷ luật.

Pennequin vẫn cố gắng không thành công để bác bỏ lập luận phân biệt chủng tộc này nhưng không thành công:⁽³⁰⁾

Tranh luận về các yếu tố mà tôi phản đối không phải là vai trò của tôi và cũng không là cá tính của tôi. Chỉ một duyên cớ là đủ, theo ý kiến của tôi, là diễn tả mối ngờ vực: tất cả họ đều thừa nhận quyền ưu tiên cao của chủng tộc da trắng trên tất cả các chủng tộc khác. Một cuộc tranh cãi về một chủ đề như vậy, nhất là về Viễn Đông, chỉ có thể [diễn ra] một cách nghiêm túc.

Ông đã nhận được sự ủng hộ sau đó hơn một năm, của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa [Gaston] Doumergue, người đã yêu cầu quan Toàn quyền triệu tập lại các ủy ban, nghiên cứu các vấn đề, và sẽ sử dụng để bác bỏ các luận chứng phản đối cùng loại.⁽³¹⁾ câu hỏi về sự trung thành của quân đội bản xứ cũng dành cho hạ sĩ quan và các đội quân mà người ta trung bình không ngần ngại. Các ví dụ của Algeria, Tunisia và Senegal, nơi mà các hạ sĩ quan và sĩ quan được hưởng tất cả các đặc quyền về cấp bậc, đủ để chứng minh rằng có thể áp dụng ở Đông Dương. Ông kết luận về sự cần thiết phản ứng chống lại những ý tưởng nguy hại gây tác động xấu đến uy tín của những người chinh phục. Vấn đề là để “quên đi sự thống trị của chúng ta”, bằng cách trở thành “những nhà giáo dục và các cộng sự”, bằng cách không ngừng “cải thiện tình trạng tinh thần của người dân bản xứ, tình trạng tinh thần mà các nhà quản lý hành chính dân sự hết thảy đều mô tả là rất đáng lo ngại”.

Nhưng Pennequin cũng vì thế mà phải đối mặt với sự chống đối của các nhân vật quyền thế đã vì mưu lợi mà pha trộn các đề xuất của Pennequin với những toan tính nhút nhát của [Paul] Beau và [Albert] Sarraut, khi chấp nhận người An Nam làm thuộc cấp các công việc quản lý hành chính, và các nhà phê bình từng chống lại các ông Toàn quyền lại đòi hỏi *mutatis mutandis* [thành ngữ Latin: *thay đổi những gì cần phải thay đổi*] chống lại tổng tư lệnh cấp trên. Không quá ngặt nghèo như khía cạnh quân sự thuộc phần đầu tiên của đề án, các kết quả nghiên cứu về chính sách với người bản xứ và phân tích về tình trạng tinh thần của người dân đã gây nên các phản ứng của các nhà quản lý hành chính và hầu hết kiều dân. Như trường hợp Thống sứ Bắc Kỳ⁽³²⁾ [Jules] Simoni, nói chung ông không chấp thuận sự bất mãn và trước hết đặt ra quyền tự chủ, đòi hỏi với các viên quan trong việc thực hiện chức năng của mình. Còn về một số ít các nhân viên người Việt của bộ máy hành chính, họ thiếu quyết đoán trong công việc của chính quyền Pháp do năng lực yếu kém của các ứng viên (ở đây loại bỏ vấn đề giáo dục do Pennequin đặt ra và các nhà quản lý cần hết sức cảnh giác khi đề cập đến). Có nhiều lý do giả tạo che giấu những chứng cứ sâu xa của các nhà quản lý! Phần lớn kiều dân mong muốn rằng mọi chính sách thuộc địa cần thiết phải là một chính sách cai trị; các nhà quản lý đã được bố trí ở Đông Dương để thu thuế, tuyệt nhiên không có nhu cầu gieo vào đầu của dân bản xứ tư tưởng về các quyền tự do và quyền lợi của họ, không phải là để đóng thuế thân và làm lao dịch vì những lời cảm ơn. Các tù ngữ cần làm chủ được, phần lớn quá trình gia nhập, đó là thận trọng, có kiểm soát và tăng dần dần những người bản xứ để làm nhân lực dự bị cho người Âu trong việc tạo ra một bộ khung sĩ quan người bản xứ, điều mà các nhà quản lý coi là còn khá sớm ở một đất nước mà lợi ích của người An Nam không nhất thiết phải gặp lợi ích của giới thực dân. Có một lần nữa, đã xảy ra năm 1907 với cuộc vận động tư sản, chính quyền thuộc địa đã chặn từ trong trứng mọi ý chí hòng cho xuất hiện trong

xã hội Việt một “giới” mới, giới quân nhân, bỏ đi những ảnh hưởng truyền thống được hình thành cho những người châu Âu, và đã có thể định hình nền tảng của một hệ thống đế quốc kiểu Mỹ.

Nếu dư luận công chúng ở mẫu quốc vẫn thờ ơ với cuộc tranh luận, dù rằng có một số bài báo đặc biệt thuận lợi cho Pennequin,⁽³³⁾ thì báo chí thuộc địa đã kích động, nhân lên gấp bội những ý kiến phản đối, một mức độ bất bình đẳng về tư duy giữa các tờ báo. Chỉ có một bài của Jules Roux, một người bạn của Phan Châu Trinh, tán thành Pennequin, đứng hoàn toàn về phía những tư tưởng của Pennequin, đã châm chọc những người phản đối bằng đoạn thông tin giả: “Đó là với sự giúp đỡ của người An Nam, chúng tôi cần phải bảo vệ và bênh vực Đông Dương”;⁽³⁴⁾ Một viên Đại úy pháo binh thuộc địa, nói thông thạo tiếng Việt, những năm 1910 đã dịch ra *quoc-ngu* [nguyên văn] vở kịch “Châu châu” [*Les Sauterelles*, 1911], một tác phẩm của Émile Fabre [1869-1955], một đạo diễn phim hài của Pháp, trong đó bêu riếu thái độ của những người Pháp ở Đông Dương. Những người về phe Dreyfus [Dreyfusard], khi nói về trách nhiệm với dải tua mảnh của các sĩ quan da vàng đã nhấn mạnh ảnh hưởng của các tư tưởng trong bài *Quân đội mới* [*l’Armée nouvelle*], và mơ tưởng được thấy nó cũng được áp dụng cho các thuộc địa. Sự hình thành của vệ binh quốc gia trùng hợp với Pennequin, đó là một quân đội quốc gia. Cũng như Pennequin, năm 1915, theo quan niệm của Phan Châu Trinh thì việc chăm lo cẩn thận việc tuyển mộ sẽ như một cơ hội để một số người tinh hoa bắt nguồn từ mẫu quốc đã giúp hiện đại hóa Đông Dương.

Với phần còn lại, báo chí thực dân đã diễn với mọi giọng điệu, bắt đầu là phản ứng bệnh hoạn của d’Albert de Pouvourville, kẻ đã không quên thời gian phục vụ trong lực lượng Cảnh sát bản xứ và biệt danh mà người ta đặt cho bọn này là *mat gioi*⁽³⁵⁾ [*Mắt trời*]; Kinh nghiệm này cho phép ông ta khẳng định mình sẽ không bao giờ thừa nhận:

Rằng anh có thể tham dự vào một hoàn cảnh, một nơi mà một người Pháp khoác bộ quân phục và hết sức chăm chú vâng lời một người An Nam mặc quân phục, điều gì có thể xảy ra. [...] Và tác giả của con quái vật này không phải là một triết gia đáng khinh bỉ ngẫu nhiên, không phải là một nhà nhân đạo quan tâm, như các từ ngữ thời thượng, muốn chấn hưng xứ thuộc địa, cũng không phải là một thầy ký hay bậc dọc hoặc một thường dân hay khôi hài rất vui thú sắm một vai tốt cho “các ngài sĩ quan”, mà tác giả của con quái vật là ông tướng Pennequin.⁽³⁶⁾

Tuy nhiên cũng có một số bài báo đã cố gắng giới thiệu một cuộc thảo luận về các điều kiện của tuyển mộ: phục dịch quân sự có thể một công việc lao dịch của phần lớn dân chúng;⁽³⁷⁾ cách thức tuyển dụng sẽ thực hiện đúng ở các làng được xem là giống nhau, làm thế nào để tránh các thủ đoạn man trá thông thường xảy ra đối với các chức dịch làng xã dùng khi tập hợp lính mới ?⁽³⁸⁾

Trong tình trạng chống đối chung, Pennequin cố gắng thực hiện đề án của mình với bộ khung hiện tại. Trường Thiếu sinh quân Núi - Đèo gần Hải Phòng⁽³⁹⁾ được thành lập năm 1904, học viên được tuyển vào khi 10 tuổi, học toàn thời gian và khi tốt nghiệp sẽ được gửi đến Trường Hạ sĩ quan Sept-Pagodes [nay là Phả Lại] được thành lập năm 1905. Định hướng tiếp theo là đến Saint-Maixent [Pháp], khi ra trường họ sẽ là sĩ quan Pháp. Song song đó Pennequin đã thử nghiệm thành lập một đại đội với bộ khung chỉ gồm các sĩ quan bản xứ. Việc tuyển học viên đã được thực hiện mà không có vấn đề gì: Đơn từ của các quan chức và nhân sĩ đổ về để gửi cho con em họ được theo học khóa đào tạo quân sự này.⁽⁴⁰⁾ Nhưng khi vừa bắt đầu sáng kiến của Pennequin thì cả hai thử nghiệm bị bác bỏ một cách nhanh chóng, sau đó ông bị triệu hồi về Pháp năm 1913.⁽⁴¹⁾ Trường học bị bỏ trống, để học viên phải rời trường, hạ sĩ quan rời khỏi quân ngũ khi họ không có tương lai nữa, cuối cùng dự thảo nghị định không bao giờ được tán thành. Đối với mô hình đại đội, đã được giao phó cho các sĩ quan thờ ơ hoặc chống đối, do đó, đã phá hỏng sự thử nghiệm.

Bằng cách từ chối sự hình thành của một quân đội quốc gia ở Đông Dương, nước Pháp kể từ đó đã tự mình chặn con đường phi thực dân hóa không có xung đột ở Việt Nam và bắt buộc các thuộc địa của mình phải tiến hành chiến tranh giành độc lập. Năm 1945, chấm dứt ách thực dân không phải là một cuộc tranh luận mới trong lịch sử thuộc địa của Pháp và việc từ chối [cho] các nước thuộc địa [độc lập], đã được nuôi dưỡng từ truyền thống cũ gần 40 năm, nó củng cố chính sách bất động và không khoan nhượng của Pháp. Với ngoại lệ của châu Phi Đen, nơi được hưởng lợi rất nhiều từ “bài học” của Việt Nam và Algeria, nước Pháp chưa bao giờ phi thực dân hóa và việc phi thực dân hóa không thể có thật đã hàm chứa trong việc loại bỏ trào lưu của Pennequin và các nhà cải cách, thậm chí từ trước năm 1914. Việc loại bỏ này cũng chôn vùi một truyền thống, ít nhất là về mặt lý thuyết, một chế độ thực dân tự do thời kỳ trước Cộng hòa thứ ba, được thử nghiệm dưới Đế chế thứ hai bởi Napoleon III với chính sách của ông dành cho Vương quốc A Rập⁽⁴²⁾ và vẫn sống động năm 1914 với các cá nhân như Joost Van Vollenhoven⁽⁴³⁾ khi đó là Toàn quyền Tây Phi thuộc Pháp cho đến tháng 1/1915.⁽⁴⁴⁾

Việc từ bỏ đề án của Pennequin không đưa đến dự án khác để tổ chức lại lực lượng quân sự của Đông Dương: Luật Ba năm (ngày 07/8/1913) được mở rộng cho người Pháp ở thuộc địa, nhưng quy chế của thuộc địa thì không bị điều chỉnh: Điều 47 giao cho Chính phủ có nghĩa vụ trong vòng sáu tháng phải trình một dự luật quy định điều kiện tuyển mộ;⁽⁴⁵⁾ nhưng chiến tranh đã ngăn cản cuộc thảo luận. Vì vậy, người ta giữ lại các hệ thống hiện có, và thực hiện khác nhau cho từng vùng.

Có nhiều văn bản khác nhau được ghi nhận về tình hình của các thuộc địa, có liên quan đến quy chế của thuộc địa hoặc bảo hộ. Ở Nam Kỳ,⁽⁴⁶⁾ Nghị định ngày

28/8/1908 về việc tổ chức tuyển lính qua hình thức rút thăm theo một hạn mức cố định hàng năm của Phủ Toàn quyền. Thời gian phục vụ của lính nghĩa vụ là 2 năm tại ngũ và 13 năm trừ bị; hạn mức có thể được bổ sung bởi các cam kết tự nguyện từ 2 đến 5 năm. Tại Trung Kỳ và Bắc Kỳ là theo lệ thường ở An Nam, bổ sung theo Nghị định số 01 tháng 11/1904 trong đó quy định việc gọi lính. Theo quy định trong Nghị định của Toàn quyền, hạn mức hàng năm được phân bổ giữa các tỉnh, bởi những người đứng đầu chính quyền bản xứ rồi tiếp đó các quan đầu tỉnh phân bổ giữa các làng; Chức dịch làng chịu trách nhiệm trích trong số người độ tuổi 22-28 có đăng ký – một lượng gấp đôi hoặc gấp ba số được giao – để cung cấp cho hội đồng tuyển. Hệ thống này tạo điều kiện cho vi phạm tại làng, điều dễ thấy là đa số dân bản xứ đều muốn rút thăm với chế độ đi lính thế. Sự lạm dụng vẫn được công bố năm 1917 trên báo *Courrier de Haiphong*, chứng tỏ việc tuyển mộ cho Thế chiến không thay đổi tình trạng.⁽⁴⁷⁾

[...] Các Lý trưởng chịu trách nhiệm xác định những thanh niên phải đi [lính] đã nhận quà tặng của các gia đình giàu có mà con cái họ không bao giờ phải lo âu [đi lính]; sự lựa chọn luôn luôn dừng lại ở những người nghèo khổ cùng cực [...]. Việc tuyển dụng dân binh cũng có chỗ bị lạm dụng như thế [...]; trong trường hợp này, Trưởng làng là các ông chủ tuyệt đối bởi vì lính khổ xanh⁽⁴⁸⁾ thậm chí không phải qua các hội đồng xét duyệt.

Điều đáng ngạc nhiên là trong tình hình này, số vụ đào ngũ tăng nhiều, có thể giải thích được do yêu cầu những người bị gọi lính phải phục vụ 5 năm. Ở Campuchia, người bị gọi lính hoặc cam kết đi lính phải phục vụ 3 năm, theo một Nghị định Hoàng gia ngày 07/3/1912.

Từ một tình thế còn phải bàn cãi là việc tuyển lính thậm chí không đáp ứng được với hạn mức tối thiểu: năm 1912 có 1.350 người bản xứ Nam Kỳ, 786 người Bắc Kỳ và 12 người Trung Kỳ đi lính.⁽⁴⁹⁾ Tuy nhiên, bên cạnh quân đội thường trực dành cho phòng thủ Đông Dương,⁽⁵⁰⁾ còn phải kể đến lực lượng vệ binh bản xứ được lập ra các năm 1886 - 1888, và được cải tổ theo Nghị định ngày 31/12/1904.⁽⁵¹⁾ Đây là lực lượng rất quan trọng, đặc biệt là ở Bắc Kỳ, đặt dưới quyền điều hành của các quan tỉnh trưởng và có thể được giao cho cơ quan quân sự khi có chiến tranh, giới nghiêm, bạo loạn, nổi dậy, “cướp biển”... Con số [của lực lượng này] năm 1913 là 310 người Âu và 11.444 người bản xứ. Vệ binh bản xứ cần phải có mặt – trong thời gian có chiến tranh thật – phải đóng góp thiết thực vào việc duy trì trật tự và an ninh nội bộ, và khi cần thiết, tăng cường cho quân đội thường trực.

Việc phục vụ ở mẫu quốc không bao giờ được dự phòng đối với người Đông Dương; trong tất cả các thuộc địa, chỉ những người có nguồn gốc từ các vùng hoàn toàn thuộc Sénégal mới bị bắt buộc phục vụ quân sự tại mẫu quốc, do tình trạng

của họ như là công dân Pháp. Tự bản thân Pennequin đã xem xét khả năng cho người bản xứ tham gia các chiến dịch ngắn ở bên ngoài chỉ để chống lại người châu Á; nhắc tới ví dụ về những người Nam Kỳ được gửi đến Thiên Tân (Tsien-Tsin) [Trung Quốc] năm 1900 trong vụ nổi dậy Nghĩa Hòa đoàn (Boxer Rebellion - Quyền phi).⁽⁵²⁾

Nhưng còn một điều nữa là hiệu quả thấp của việc tuyển dụng, bộ khung lãnh đạo bản xứ tầm thường là điều nhận thấy được trong chiến tranh và nó tác động đến kế hoạch làm chậm lại dự định của Pennequin.

Sự thiếu thốn và sự tầm thường là điều đáng lo ngại ngay trước cuộc chiến tranh, trước hết, trong khi người ta biết, ở mẫu quốc phải có cán bộ giám sát gần 90.000 nam giới là những người xa quê hương, và ở Đông Dương thì phải đảm bảo việc bảo vệ lãnh thổ sau khi người Âu đã được triệu hồi. Và liệu người ta có thể thực sự dựa vào lòng trung thành của những cán bộ khung bản xứ này? Ảnh hưởng thực sự của những người này là như thế nào? Có biết bao nhiêu vấn đề mà không bao giờ được thảo luận nghiêm túc trước năm 1915!

Lời kêu gọi ở Đông Dương là quá muộn, trái ngược với Algeria⁽⁵³⁾ và A.O.F,⁽⁵⁴⁾ thậm chí họ đã gửi binh lính sang mẫu quốc ngay từ tháng 8/1914. Sự xa xôi của thuộc địa và sự khan hiếm phương tiện giao thông dĩ nhiên là một phần thêm vào đó, nhưng còn có các nguyên nhân chính trị khác nữa. Nguy cơ “lây lan” của nước Cộng hòa Trung Hoa và khả năng có các cuộc tấn công khu vực biên giới đòi hỏi phải duy trì lực lượng quan trọng ở Bắc Kỳ, nhưng trước hết là từ ký ức gần đây về các cuộc tấn công [của phong trào] dân tộc chủ nghĩa đã để lại nỗi sợ hãi về sự phục hưng của phong trào do rút quân đội thực dân.

Sự không chắc chắn về lòng trung thành của quân đội bản xứ đã bị kích động vào lúc có đề án của Pennequin. Về sau, việc thành lập *Việt Nam Quang Phục Hội* đã dẫn đến một loạt các vụ mưu sát và tấn công, xảy ra trên biên giới Trung Quốc và dựa trên những âm mưu cài người thâm nhập các trại lính tập hoặc vệ binh bản xứ. Sau vụ giết hai sĩ quan Pháp tại Hà Nội tháng 4/1913, Sarraut⁽⁵⁵⁾ nhớ lại rằng năm 1908, các hạ sĩ quan bản xứ ở Hà Nội bị lôi kéo đã gây ra việc đào ngũ hàng loạt của quân bản xứ. Vấn đề gây bất ổn có chu kỳ nhằm vào chính quyền thuộc địa và các bằng chứng mâu thuẫn nhau được tích tụ lại. Vệ binh bản xứ có thể là một nguồn để tuyển mộ từ [người làm] “nghề ăn cướp”⁽⁵⁶⁾: do đó, Khâm sứ Trung Kỳ đã công bố một cách long trọng vào năm 1916⁽⁵⁷⁾ đã bắt được kẻ phiến loạn Hồ Sĩ Phấn [có tài liệu nói là Hồ Bá Phấn] còn gọi là Đội Phấn ở Nghệ An, *đội* là tên gọi cũ bậc đầu tiên của vệ binh bản xứ, kẻ đã chạy trốn năm 1909 sau khi tiến hành các cuộc nổi dậy ở Hà Tĩnh. Bị kết án tử hình năm 1910, Đội Phấn sẽ phải “chấm dứt tham gia cướp bóc” như phán quyết tại các tỉnh Hà Tĩnh và Vinh. Sự pha trộn

của cuộc đấu tranh chính trị và nghề ăn cướp thường được khởi tố bởi nhà cầm quyền và bộ máy tư pháp thuộc địa, ngày càng ít ảo tưởng ngay trước chiến tranh, đến mức mà một thành viên của Ủy ban Quân sự⁽⁵⁸⁾ tại cuộc họp ngày 21/9/1918 về khả năng gửi người Việt sang Pháp đã kiến nghị cho đúng hơn “rằng những tay cầm đầu băng nhóm nguy hiểm từ Bắc Kỳ sẽ được quan tâm cho sang Pháp, không phải để phục vụ, mà chỉ để ngăn chặn chúng lây lan tình trạng bất ổn ở thuộc địa”!

Tuy nhiên, bất chấp thực tế những âm mưu cài người thâm nhập các trại lính bản xứ bởi những người dân tộc chủ nghĩa, có sự nghi ngờ là liệu điều đó có đúng không? Một loạt các cuộc điều tra được thực hiện giữa năm 1909 và 1914⁽⁵⁹⁾ không thể phát hiện bất kỳ bằng chứng nào có xu hướng thiết lập liên minh của các trung đoàn lính tập Bắc Kỳ theo âm mưu của các kẻ dân tộc chủ nghĩa. Các chứng cứ mâu thuẫn nhau, nó phản ánh sự không rõ ràng về vị trí của lính tập, động lực chủ yếu trong chiến thuật của hai lực lượng đối kháng mà người Pháp không bao giờ chắc chắn rằng nó sẽ không chạy sang trại đối phương, thiên vị cho một âm mưu được dàn dựng tốt. Pennequin và phụ tá Doumergue đã hiểu rằng thật thỏa đáng khi đồng ý cho lính tập có thanh danh chính đáng và một mức lương đầy đủ để đáp ứng quyền lợi của họ, do đó nước Pháp có nhiều cơ hội nhất để trói buộc họ một cách dứt khoát và loại bỏ những cảm dỗ bởi những lời xúi giục của những người dân tộc chủ nghĩa, có thể đánh thức lòng yêu nước của họ. Doumergue vẫn khẳng định theo quan điểm này đối với Bộ trưởng Bộ Chiến tranh năm 1915:⁽⁶⁰⁾ “Tôi đã lưu ý ông [Alexandre] Millerand rằng lòng trung thành của những người mang quốc tịch châu Á của chúng ta sẽ được khuyến khích nếu họ chấp nhận góp phần vào các hoạt động chiến tranh...”. Còn lại, sự nghi ngờ sẽ trì hoãn việc gửi người Việt sang Pháp cho đến khi những khó khăn nội bộ với mẫu quốc được loại bỏ trên cơ sở cân nhắc kỹ về an ninh. Một trong những lý do khiến việc tuyển mộ người Đông Dương của các đơn vị quân đội người Âu vẫn có sự khác biệt đó là việc cho nhập quốc tịch, có thể nói rằng việc này đối với họ là sự giải phóng và đánh dấu sự hòa nhập dứt khoát của họ vào xã hội thực dân. Năm 1919, Sarraut đảm nhận một cách khôn khéo việc giải quyết vấn đề, bằng cách từ chối nhập tịch một cách cố chấp, với danh nghĩa của chính sách liên kết mà người ta luôn tán dương và không bao giờ được áp dụng.

Nhưng khi chiến tranh kéo dài, mẫu quốc chỉ có thể khước từ một cách không rõ ràng sự giúp đỡ mà các thuộc địa có đủ khả năng cung cấp. Sự xa xôi của các thuộc địa, sự mất an ninh chính trị do các cuộc mưu hại tràn lan của các phần tử dân tộc chủ nghĩa, sự khinh thường trong Bộ tham mưu về giá trị của các quân nhân Việt và lực lượng trừ bị mà bộ phận tham mưu nói về lòng trung thành của họ đã đưa đến việc từ chối sử dụng họ cho đến cuối năm 1915. Tuy nhiên, từ đó, những khó khăn ngày càng lớn của mẫu quốc và thử nghiệm kết ước đầu tiên về sử

dụng lao động Đông Dương trong những xưởng đóng tàu đã làm câm lạng những sự lấp lửng nửa chừng ban đầu.

Khi Mangin đề xuất châu Phi như là nguồn cung cấp chiến binh, thì Viễn Đông, bao gồm cả Trung Quốc, cũng đã chứng tỏ ngày càng nhiều nguồn cung cấp lao động: nhân lực cho công binh, công nhân cho các nhà máy phục vụ chiến tranh. Tại thời điểm quyết định tuyển quân ở Đông Dương, thì phái đoàn của [Georges] Truphtil⁽⁶¹⁾ tới Trung Quốc (tháng 12/1915), để mộ phu, còn Xiêm (Siam), Ấn Độ, và thậm chí cả Tây Tạng thì là đối tượng xem xét của người Anh.⁽⁶²⁾

Mùa xuân năm 1915, Ủy ban Quân sự của Nghị viện đã xem xét việc gọi lính cho Đế chế.⁽⁶³⁾ Mangin nắm lấy cơ hội để làm sống lại ý tưởng của mình trong giới chính trị, nhờ sự ủng hộ của Ủy ban trong đó có hai nghị sĩ là các sĩ quan trong Bộ tham mưu năm 1915 của ông, ông Maurice Bernard nghị sĩ tỉnh Doubs và ông Pierre Massé nghị sĩ tỉnh Hérault.⁽⁶⁴⁾ Các thành viên Ủy ban, hai ông [Bernard và Massé] cùng với ông Pierre Ajam, là người ủng hộ tư tưởng của Mangin đã soạn một dự thảo luật “Tuyển mộ quân đội bản xứ”.⁽⁶⁵⁾

Nhắc lại những luận chứng của Mangin, họ dựa trên các dự tính của Pennequin trong đề án của ông về quân đội quốc gia ở Đông Dương, để tiến tới con số 100.000 người Đông Dương cần tuyển ở thuộc địa, không giống như các phiên bản của Bộ tham mưu, đó là từ nay bố trí “các trung đoàn bộ binh bản xứ hoàn hảo, quen với các nhiệm vụ khó khăn nhất của mọi cuộc chiến tranh”. Một năm sau, trong một bức thư gửi Chủ tịch Ủy ban Quân sự Thượng viện,⁽⁶⁶⁾ Mangin đã sửa đổi tăng cao phân bổ hạn mức cung cấp bởi các thuộc địa: Đông Dương và Trung Quốc (!) – là thuộc địa Pháp cần chăm lo – bị đẩy lên đột ngột, phải cung cấp 150.000 người.

Thế nên cuối năm 1915, Mangin định cử Pennequin⁽⁶⁷⁾ sang Đông Dương, vào một cơ quan của chính quyền quân sự, mục đích nhằm phá vỡ sự chống đối của chính quyền dân sự địa phương. Các chính thể quân sự ở mỗi thuộc địa sẽ tham khảo ở một cơ quan trung ương, nơi Mangin muốn bố trí tướng [Louis] Archinard là “ông chủ” đồng thời là người khởi xướng thực sự của “Lực lượng Da đen”. Thực tế, Pennequin không bao giờ phải quay lại Đông Dương, cũng không phải là một cố vấn như là thống đốc quân sự (những ý tưởng mới của Mangin đã không nhận được sự hưởng ứng: các Ủy ban chỉ đề xuất cử đi các tướng, không phải để giám sát việc tuyển quân, mà chỉ để tham mưu cho các chính quyền dân sự). Trong bức thư ngày 09/01/1916 Mangin đã ghi lại: “Đứng trước Ủy ban, Pennequin chỉ là một người lẩn thẩn. Ông ta không đi, mà là Clémenceau”.⁽⁶⁸⁾ Điều gì chính xác là tính gàn dở của Pennequin? Cái chết của ông trong hoàn cảnh lạ thường tháng 5/1916 tại bệnh viện quân đội Toulon, và việc các giấy tờ riêng tư của ông⁽⁶⁹⁾ bị biến mất, [điều này] không cho phép biết được vị trí cá nhân của Pennequin trong việc

tuyển quân, và nó cũng không được nhắc tới trong văn bản chính thức [littérature officielle] thời kỳ này, khi người ta không ngừng tham khảo những đánh giá của ông và Mangin thường nhấn mạnh – trong các thư của ông – khi hiện diện tại mỗi phiên họp của các Ủy ban của Quốc hội⁽⁷⁰⁾ hoặc các cuộc họp không chính thức của Bộ tham mưu. Một lá thư của Pennequin viết tháng 10/1915, đã chứng minh rõ ràng rằng người ta đã cố tình loại bỏ các quyết định tuyển quân và cả những điều khẩn cầu của ông; ở nơi quyền thế người ta chỉ thích bỏ qua sự giúp đỡ Pennequin hơn là đặt chân vào một mớ nhăng nhit của những nhượng bộ chính trị, mà sự hiện diện của nó là tất yếu:

... Tôi không theo lệnh của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa: Tôi phụ thuộc [Bộ] Chiến tranh. Vì thế đó là điều mà tôi trình quý Bộ. [...] Tôi trở nên mạnh mẽ để đi tới cùng với những người miền núi, để nâng cao hạn mức từ 40 đến 100.000 người, mà người ta có thể nhanh chóng sử dụng, có thể nói là những người đã được huấn luyện, được xếp vào bộ khung cán bộ. Thời gian để tập hợp họ, gửi đến Ai Cập và sau đó các ông có được bộ phận chủ lực của một quân đoàn sẵn sàng chiến đấu sau một vài tháng tới. Các đội quân da vàng sẽ tiếp nối theo.

Tôi đã xin giúp đỡ hai lần: 1. - trong thời gian tổng động viên, họ nói với tôi rằng họ ghi nhận yêu cầu của tôi. Tôi đã không được sử dụng bởi vì: 1) thuộc về Bộ Thuộc địa, 2) đã giữ cấp hàm 12 năm và khó khăn để thu xếp. Tôi chấp nhận những lý do này.

Tôi đề trình một yêu cầu thứ ba và biện giải: Tôi có thể chịu trách nhiệm cho việc tuyển quân, tổ chức Quân đội Da vàng. Bộ không thể bỏ qua khoản bổ sung mà tôi đề xuất này. Bộ có thể trả lời đồng ý hay không, nhưng tôi đã hoàn thành nhiệm vụ của tôi.

Tôi có mạnh mẽ [xúc phạm] một chút, nhưng đó là nhiệm vụ của tôi, cũng giống như con em chúng ta [dám] dạy chúng ta ...⁽⁷¹⁾

Nhưng nếu [đề án] của Pennequin bị loại bỏ trên thực tế, thì các lý thuyết của ông đã được Ủy ban Quân sự phục hồi để biện giải cho việc tuyển quân: Ủy ban này đưa ra lời kêu gọi các tầng lớp tinh hoa, “chinh phục đạo đức của tầng lớp hiểu biết của đất nước”,⁽⁷²⁾ làm rõ chức năng của hạ sĩ quan và chấp nhận sĩ quan Pháp gốc bản xứ sau khi nhập quốc tịch!

Tuy nhiên, sự phục hồi và thao túng cái tên Pennequin không phải là không có tác động đến lập trường của nhà lãnh tụ theo chủ nghĩa quốc gia Phan Châu Trinh,⁽⁷³⁾ nhân vật hàng đầu đối lập với thực dân Pháp. Cuối năm 1915, khi đang bị lưu đày ở Pháp, Phan Châu Trinh viết cho bạn mình là Đại úy Roux mong muốn của mình được thấy người Việt Nam đến chiến đấu bên cạnh người Pháp và “tận dụng cơ hội

để hy sinh xương máu và chất đồng xác chết họ bên cạnh các thi thể người Pháp ở châu Âu, để hỗ trợ nước Pháp trong hoàn cảnh này, vì vậy nếu người Pháp có tình cảm chân thật trong tim, thì hãy đứng về phía họ để giúp đỡ đồng bào mình”.⁽⁷⁴⁾

Phan Châu Trinh, một quan chức đã từ quan, là một trong những nhà nho đầu thế kỷ này [thế kỷ 20], thất vọng bởi các chính sách của Doumer ở Đông Dương, đã tìm kiếm một con đường theo gương của các nước láng giềng, Trung Quốc và Nhật Bản. Cũng như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh ngay từ năm 1906 đã tới Nhật Bản để nhận sự hỗ trợ của Tokyo trong cuộc đấu tranh giành lại nền độc lập của Việt Nam. Rồi ông đã nhanh chóng hiểu ra những ý đồ đế quốc của người Nhật và từ đó đã chọn đường lối hiện đại hóa [modernisation] của Việt Nam, mà đất nước phải trải qua trước khi tiến tới độc lập. Theo quan điểm này, ông nhắm tới sự hợp tác với Pháp như là điều cần thiết để khởi động chương trình hiện đại hóa của mình; nhưng sự hợp tác này, ngụ ý của ông là người Pháp phải hứa tham gia vào một cuộc cải cách chính trị thực sự. Tháng 8/1906, ông trình bày với Toàn quyền Paul Beau một bản báo cáo lên án chế độ thực dân, nhưng mà ông cũng bày tỏ các quan niệm của mình về khả năng hợp tác Pháp - Việt có thể thực hiện thông qua việc đạt được tiến bộ về dân chủ và sự từ bỏ chế độ quân chủ. Năm 1907, ông hỗ trợ thành lập và thử nghiệm *Đông Kinh Nghĩa Thục*, cơ sở giáo dục thành lập tại Hà Nội bởi các sĩ phu tân thời, những người muốn thấy ở Việt Nam phát triển một nền giáo dục hiện đại, dân tộc và đại chúng mà chữ *quốc ngữ* thay chữ Hán và phát triển các nghiên cứu của các nhà tư tưởng phương Đông và phương Tây hiện đại. Sự thành công của tư tưởng hiện đại hóa và chống thực dân đã gây ra các cuộc biểu tình hàng loạt chống sưu thuế ở Trung Kỳ vào tháng 3/1908 và đến tháng Sáu là âm mưu đầu độc trại lính ở Hà Nội. Đồng thời với sự đàn áp tiếp theo sau các cuộc biểu tình, *Đông Kinh Nghĩa Thục* bị đóng cửa và Trường Đại học Đông Dương, được sáng lập bởi Paul Beau, bị giải thể. Phan Châu Trinh bị bắt và bị kết án tử hình; nhờ đặc xá, ông bị đày đi Côn Lôn. Việc kết án Phan Châu Trinh đã hủy hoại những nỗ lực thực hiện từ năm 1906 bởi các nhà cải cách để nhằm, bằng sự hợp tác với người Pháp, thiết lập một chế độ dân chủ ở Việt Nam. Lưu vong ở Pháp năm 1911, Phan Châu Trinh lại bị bắt một lần nữa và bị giam cầm năm 1914 cùng với Phan Văn Trường, bị khép tội chống lại an ninh quốc gia (sau khi nhận được thư của Cường Để gửi từ Đức). Việc truy tố, vu khống, tổng giam và việc trả tự do của hai nhân vật này trùng hợp với những cuộc tranh luận đầu tiên về việc tuyên mộ ở các thuộc địa.

Phan Châu Trinh tin rằng sự hy sinh của đồng bào ông sẽ thúc đẩy nước Pháp cam kết đi theo con đường của chủ nghĩa thực dân tự do, mà dường như với ông Pennequin là một sự bảo đảm.⁽⁷⁵⁾

... Ngoài ra tôi cũng được biết rằng đó là tướng Pennequin mà Chính phủ có thể ủy thác việc thực hiện dự án đã được xem xét, đảm bảo sự thành công bởi vì trong vấn đề này, tướng quân là một người khôn ngoan có kinh nghiệm đã muốn cam kết có hai hoặc ba năm để tiến vào con đường này.

Bất chấp những trở ngại người ta đã gây ra để cản trở ông thực hiện những ý tưởng của mình, người ta vẫn thấy, qua những lời hứa của ông, qua các bài thuyết trình tại các hội nghị, sự biểu lộ các quan điểm của ông, rất cần thiết để áp dụng vào thực tiễn, với sự chắc chắn rằng ông có thể thành công, bởi vì người đàn ông này là một sĩ quan cấp tướng có uy tín rất lớn và ý thức về công lý được nhiều người biết, bởi vì ông đã có một thời gian dài quản lý đất nước của chúng tôi, bởi vì ông biết rất rõ tính cách của đồng bào tôi và đặc biệt là bởi vì họ có đầy đủ sự tin tưởng ông.

Nếu vị tướng này quay lại đó, để thực hiện đề án do ông khởi xướng, tôi chắc chắn rằng tất cả những người đồng bào của chúng tôi, những người có chút tiếng tăm và những người luôn sẵn sàng tin tưởng nước Pháp, sẽ giúp đỡ, với tất cả trái tim của mình, với tất cả sức mạnh của mình để thực hiện điều này mà không có gì cản trở. Trường hợp của tôi, đây là những năm mà tôi khẳng định bản thân mình những cảm xúc sau đây: căn cứ những gì đang xảy ra ở vùng Viễn Đông lúc này, và không quay lại cách thức người ta ưa chuộng, không phải là thúc giục người An Nam tránh xa người Pháp; nhưng, ngược lại, cũng thúc giục người Pháp thay đổi cung cách xử lý hành chính cũ của họ và họ giúp đỡ người An Nam tiến bộ; làm như vậy, các đại diện của hai chủng tộc có thể sống hòa hợp một cách bền vững...

Với hy vọng gặp gỡ những người Xã hội [SFIO], lúc bấy giờ với quyền lực trong các chính phủ Liên minh Thiên thiêng (Union Sacrée),⁽⁷⁶⁾ lồng ghép một sự thay đổi triệt để chính sách thuộc địa của Pháp; Phan Châu Trinh, người bị giam giữ tùy tiện một năm, đã đề xuất sự cộng tác của ông: ông khuyến khích bạn bè của mình tham gia và chủ yếu sẽ truyền tải – lời kêu gọi nhân dân Việt Nam bình tĩnh – ở dạng các bài viết trên báo chí Đông Dương. Bằng cách cung cấp sự giúp đỡ của mình, Phan Châu Trinh đã có ý tưởng rõ ràng về việc tuyển chọn các phần tử đã cách tân của đất nước: con các nhà nho và một số công nhân chuyên môn ở các thành phố lớn. Điều này tất yếu không chỉ tập hợp được một đội ngũ nhỏ, năng động, đưa sang Pháp để đào tạo, và họ khi trở về, phục vụ với vai trò chủ động để hiện đại hóa đất nước. Bởi vì theo Phan Châu Trinh, hiện đại hóa cần đi trước độc lập và tuyển dụng là một cơ hội không ngờ để kích hoạt hoạt động này trong xã hội Việt Nam.

Với viễn cảnh này, các cam kết của giới tinh hoa Việt trong chiến tranh châu Âu đảm bảo cho người Pháp sự yên tĩnh ở các thuộc địa. Phan Châu Trinh cho

rằng đây là thời điểm thích hợp để ký kết với người Pháp một minh ước ngầm: các thuộc địa không được nhân cơ hội chiến tranh ở mẫu quốc để phát động một cuộc chiến tranh giành độc lập và đặt mẫu quốc vào một tình trạng khó khăn trên hai mặt trận. Để đổi lại, nước Pháp khi kết thúc chiến tranh, sẽ tham gia tiến trình cải cách tăng tốc, mà Pennequin là một sự bảo đảm, cải cách phải dẫn đến phi thực dân hóa nhanh chóng.

Lời kêu gọi này của Phan Châu Trinh để tránh mọi sự lộn xộn, được các nhà nho và lực lượng kháng chiến Việt Nam lắng nghe thực tế, nó góp phần rộng rãi để thực hiện việc tuyển mộ, trong khi đó các nhà chức trách thuộc địa thì xem xét với sự lo âu, và nếu để thông qua thì sẽ như một cú đâm, một cơ hội duy nhất để đuổi người Pháp ra khỏi Đông Dương, tại thời điểm khi tính hiệu quả của các nhà quân sự và các quan chức đã suy giảm nhiều.

Chiến tranh Thế giới thứ nhất đã thiết lập một thời điểm căn bản trong lịch sử chính trị và xã hội Việt Nam và trong định hướng của chế độ thuộc địa. Về chính trị, chiến tranh và việc tuyển quân đưa sang mẫu quốc chỉ đem đến cho Đông Dương một loạt sự loại bỏ kế tiếp nhau, thực sự là một cơ hội bị bỏ lỡ cho một tiến trình phi thực dân hóa không có xung đột.

Từ trước năm 1914, tướng Pennequin đã đặt ra vấn đề phi thực dân hóa thông qua sự hình thành một “quân đội quốc gia”, một cấu trúc hiện đại chắc chắn duy nhất của các nước thuộc địa và là trụ cột để “xây dựng quốc gia”, không khác quan điểm của người Mỹ sau này, và Pennequin, người đi trước của chủ nghĩa đế quốc hiện đại, đã thấy những phác thảo trong mô hình của Philippines năm 1914. Quân đội quốc gia này, nước Pháp đã cố thử để thành lập quá muộn... Đầu thập niên 1950, khi phi thực dân hóa là không còn khả năng, theo Pennequin ngay từ năm 1911, trên thực tế là phương tiện để xây dựng quốc gia phục vụ một giai cấp tư sản Việt Nam có khát vọng hiện đại và có khả năng nắm trong tay vận mạng của đất nước. Năm 1914 việc tuyển mộ cho mẫu quốc được diễn tả như là cơ hội lý tưởng để tái khởi động đề án Quân đội Da vàng đã mặc nhiên bị bác bỏ năm 1912 bởi những lợi ích thuộc địa, và huấn luyện quân đội Việt Nam trong các trường phương Tây. Tuy nhiên, tháng 10/1915, giả thiết có sự tham dự của Pennequin trong việc tuyển quân đã bị xóa bỏ và cùng với nó là sự lựa chọn phi thực dân hóa.

Việc loại bỏ thứ hai không tách rời việc đầu tiên đó là làm tổn hại người đã thỏa hiệp với công cuộc khai thác thuộc địa, Phan Châu Trinh, là người năm 1916 nhìn thấy việc tuyển mộ là cơ hội để thực hiện các ý tưởng hiện đại hóa được phát triển bởi *Đông Kinh Nghĩa Thục*. Đối với Phan Châu Trinh, độc lập chỉ có thể được chú ý đến sau một giai đoạn khởi sự ban đầu và đào tạo của xã hội Việt Nam, một xã hội cứng nhắc bởi tôn ti trật tự xưa cũ của cha ông và sự bảo thủ của nó, hướng

tới nền kinh tế, chính trị và văn hóa hiện đại của phương Tây. Do đó ông nhìn thấy trong việc tuyển mộ một động lực chính trị: gửi sang Pháp để phục vụ chiến tranh các phần tử tiên tiến của đất nước, tất cả những trí thức trẻ được đào tạo từ năm 1905 trong phong trào của ông, là cột mốc đầu tiên trong chương trình hiện đại hóa và tiến tới nền độc lập của đất nước. Nhưng chương trình này hoàn toàn dựa trên ý muốn của nước Pháp để thay đổi định hướng chính sách thuộc địa của nó. Tuy nhiên, tiến trình tuyển mộ mà chủ yếu đụng chạm đến nông dân Bắc Kỳ đã giáng một đòn nặng nề lên tính toán của Phan Châu Trinh, đó là những người chỉ xem chiến tranh là cơ hội hiện thời quan trọng và thuận lợi nhất. Trong các năm 1919-1920, sự lựa chọn được thể hiện bởi Phan Châu Trinh chắc chắn đã bị loại trừ bởi Sarraut. Sự từ chối này là thừa nhận sự thất bại của chủ nghĩa Wilson ở các thuộc địa, thứ chủ nghĩa mà *Thỉnh nguyện thư của dân tộc An Nam [les Revendications du peuple annamite]*, phát hành tháng 6/1919, vẫn còn tin tưởng.

Hai sự loại bỏ này đã bỏ qua con đường hợp tác Pháp-Việt và con đường phi thực dân hóa nhanh chóng./.

H U H - N B D dịch và bổ chú

CHÚ THÍCH

- (1) Chính xác là 887.400 người bản xứ trong đó có 350.000 lao động. Các con số này lấy từ *Bulletin du Comité de l'Afrique française*, 1919, pp. 96-97, 221-222, thống kê những người đàn ông được đưa đi làm việc ở nước ngoài: *Cameroun, quân đội phương Đông* (Armée d'Orient).
- (2) Các Hội chợ thuộc địa làm tăng tạm thời số lượng này (300 người An Nam đã được thống kê tại Hội chợ thuộc địa năm 1880).
- (3) Về Phan Châu Trinh, xem Luận văn của Thu-Trang Gaspard, *Contribution à l'étude de la vie et de l'œuvre de Phan-Chau-Trinh (1872-1926)*, 1978.
- (4) Những thử nghiệm đầu tiên trong năm 1912-1913 ở hãng Renault đã gây ra những cuộc đình công mạnh mẽ của công nhân chống lại cách đo đếm thời gian và kéo theo việc từ chối các đối đãi. Xem Báo cáo của P. Fridenson, *Histoire des usines Renault*, Paris, 1972 và G. Friedmann, *Problèmes humains du machinisme industriel*, Paris, 1946.
- (5) Có lẽ tác giả nói tới Duy Tân Hội (1904-1912). ND.
- (6) Vụ tấn công tháng 12/1912 ở Nam Định [vụ Nguyễn Cẩm Giàng (Nguyễn Hải Thần) định ám sát Toàn quyền Albert Sarraut tại Lễ Xướng danh kỳ thi Hương – ND]; vụ tháng 4/1913 ám sát một quan chức ở Thái Bình thân thiện với Pháp [vụ Phạm Văn Tráng] và giết chết hai sĩ quan Pháp ở Hà Nội [vụ Nguyễn Khắc Cần]; vụ tháng 3/1913 ném bom ở Chợ Lớn [vụ Phan Xích Long]. Xem G. Boudarel, *Phan-Boi-Chau et la société vietnamienne de son temps, France-Asie, Asie*, 199, 4^e trim. 1969, 80 p.
- (7) Bắt đầu từ tháng 9/1909 các báo *le Temps*, *le Matin*, *la France militaire*, *le Gaulois* trong nhiều số báo đã dành riêng các trang đầu và các bài xã luận cho vấn đề này.
- (8) Tây Phi thuộc Pháp (Afrique occidentale française - A.O.F, 1895-1958): Một liên bang tám xứ thuộc địa của Pháp ở châu Phi gồm: Mauritanie, Sénégal, Soudan thuộc Pháp (nay

- là Mali), Guinée thuộc Pháp (nay là Guinée), Côte d'Ivoire, Niger, Thượng Volta (nay là Burkina Faso) và Dahomey (nay là Bénin). ND.
- (9) Sự can thiệp của Jaurès với Quốc hội, ngày 21/2/1910, được trích dẫn bởi M. Michel, *L'Appel à l'Afrique*, pp. 10-11. Về các giai đoạn khác nhau của chiến dịch Mangin, xem Báo cáo gửi M. Michel, *L'Appel à l'Afrique*, Paris, 1982, 1ère partie, ch. 1: "Genèse de la Force noire", pp. 7-12.
- (10) A. Brébion, *Dictionnaire de bio-bibliographie générale, ancienne et moderne de l'Indochine*, 1935, pp. 299-300.
- (11) Về các chiến dịch do tướng Pennequin tiến hành và chính sách binh định của ông xem: P. Feuillet & R. Couturier, *La politique du général Pennequin en Indochine 1888-1913*, mémoire de maîtrise, Paris VII, 1983.
- (12) Sih-Song Chau-Thai hoặc Sip Song Chau Tai (tức Mười hai xứ Thái ở bờ tây Sông Đà, nay là Lai Châu, Điện Biên). Năm 1890, một thủ lĩnh người Thái Trắng là Cầm Oum (Đèo Văn Trị) được người Pháp cho làm lãnh chúa xứ Thái vùng Sip Song Chau Tai, chấp thuận để xứ Thái được quyền tự trị hạn chế trong Đông Dương thuộc Pháp. ND.
- (13) A.O.M., Gougal Q 9 (f.n.c.), Báo cáo của Đại úy Rioux về quân đội Đông Dương chuyên biệt, 15/9/1916.
- (14) *Histoire Militaire de l'Indochine française des Débuts à nos Jours (Juillet 1930)*, tome ii, imprimerie d'Extrême-orient) – 1930, p.239. "...rétablissement de l'ancien 1 division sous le nom de division d'Annam-Tonkin" (phục hồi sư đoàn 1 cũ dưới tên gọi sư đoàn Trung Kỳ - Bắc Kỳ). ND.
- (15) Xem chú thích 13.
- (16) Như trên.
- (17) Cuối năm 1912, lực lượng hoạt động cho phòng thủ Đông Dương chỉ có 23.930 người, trong đó 13.373 người bản xứ và 10.557 người Âu, cộng thêm lực lượng dự bị 29.064 người gồm 23.936 người bản xứ và 5.128 người Âu. Theo Dương Văn Giáo, *L'Indochine pendant la guerre*, Paris, 1925, p. 26, và H. Brenier, *Essai d'atlas statistique de l'Indochine française*, Hanoi, 1914, p. 57.
- (18) A.O.M., Gougal Q 9 (f.n.c), Báo cáo của Pennequin gửi Bộ trưởng Bộ Thuộc địa về việc thành lập bộ phận sĩ quan người bản địa, 10/8/1911.
- (19) A.N., 149 AP 11, doss. 3, copie (thư ngày 12/11/1915).
- (20) Như trên.
- (21) A.O.M., Gougal Q 9 (f.n.c), Báo cáo của Pennequin gửi Bộ trưởng Bộ Thuộc địa về việc thành lập bộ khung sĩ quan người bản xứ, ngày 10/8/1911.
- (22) Như trên.
- (23) Một trường Hạ sĩ được thành lập dành cho các thanh niên dưới 18 tuổi không bị gọi lính và cho những người lính muốn đạt cấp bậc này. Thời gian học là một năm.
- (24) A.O.M., Gougal Q 9 (f.n.c), dự án Luật, soạn thảo bởi Pennequin, về xây dựng bộ khung sĩ quan người bản xứ, ngày 20/12/1912.
- (25) Báo cáo về phong trào dân tộc chủ nghĩa trong lính tập và lính bảo an trước chiến tranh, xem G. Boudarel, op. cit.

- (26) A.O.M., Gougal Q 9 (f.n.c), P.V. các phiên họp.
- (27) A.O.M., Gougal Q 9 (f.n.c), P.V. Các phiên họp ngày 20/11 và ngày 20/12/1912 của Ủy ban Tư vấn bảo vệ thuộc địa.
- (28) A.O.M., Gougal Q 9 (f.n.c).
- (29) Âm chỉ chiến thắng của Nhật Bản trước Nga năm 1905.
- (30) A.N., 149 AP 11, doss. 3, bản ảnh (thư ngày 12/11/1915).
- (31) A.O.M., Gougal Q 9 (f.n.c), Thông tri của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa gửi quan Toàn quyền, s.d.
- (32) A.O.M., Gougal Q 9 (f.n.c), Báo cáo của Thống sứ gửi Toàn quyền, ngày 30/8/1911.
- (33) Như tờ *l'Action* số ra ngày 25/12/1913: "... Những tư tưởng được tướng Pennequin ủng hộ là rất phù hợp, nó chỉ gây nên sự bức bối cho những người đang gào thét về sự bội phản và tìm cách đối xử ngọt ngào với những sĩ quan Pháp hư hỏng. Tất cả góp phần để hòa giải các chủng tộc và làm ổn định tình thế của chúng ta ở Viễn Đông..", A.N.S.O.M., phòng Sarraut PA 9, c. 11.
- (34) *La France d'Outre-Mer* ngày 17/12/1912, A.N.S.O.M., phòng Sarraut PA 9, c. 11.
- (35) Georges-Albert Puyou de Pouvoirville (1861-1939): Nhà Đông phương học, huyền học, nhà thơ và dịch giả Pháp. Ông sinh ra trong một gia đình quân nhân và đã tham gia nhiều chuyến thám hiểm ở Trung Quốc, phục vụ giới quân sự và hành chính. Pouvoirville là tín đồ của Martinism (một hệ Kitô giáo thần bí) và được Giáo hội Ngộ đạo Pháp (French Gnostic Church) đặt tên là Tau Simon. Trong thời gian sống lâu dài ở Bắc Kỳ, dưới ảnh hưởng của một bậc thầy Đạo giáo, ông đã tham gia một hội kín người Hoa và lấy tên là "Matgioi" (viết tắt của "con mắt của ngày"). Ông là tác giả một số sách viết về Đạo giáo, Trung Hoa và các thuộc địa Pháp tại châu Á. ND.
- (36) *La Dépêche coloniale* ngày 23/2/1912, A.N.S.O.M., phòng Sarraut PA 9, c. 11.
- (37) *Le Courrier de Haiphong* ngày 26/6/1912, bài của Ch. Rouyer.
- (38) *La Dépêche coloniale* ngày 13/6/1913, A.N.S.O.M., phòng Sarraut PA 9, c. 11.
- (39) Thị trấn Núi Đèo thuộc huyện Thủy Nguyên, cách TP Hải Phòng khoảng 10 km. ND.
- (40) F. Farjenel, Quân đội Da vàng, *La Revue de Paris*, tháng 1/1916, p. 118.
- (41) Việc triệu hồi Pennequin về Pháp có liên quan trực tiếp với đề án Quân đội Da vàng và sự không hài lòng trong Bộ Tư lệnh tối cao. Bị từ chối sử dụng, ông miễn cưỡng đề nghị chuyển sang bộ phận trừ bị của quân đội năm 1914. Xem: E. Cazimajou, *Pavie et Pennequin, précurseurs de Gallieni*, hồi ức của l'E.N.F.O.M., 1948, lời nói đầu.
- (42) Vương quốc Ả Rập: Napoleon III (cầm quyền: 1848-1871) dự kiến thành lập một vương quốc Ả Rập chạy dài từ Algeria đến Baghdad, dưới sự bảo vệ của Pháp và tại đây, người bản xứ bình đẳng với người châu Âu cai trị. ND.
- (43) Joost Van Vollenhoven (1877-1918): Người đã từng làm Toàn quyền Đông Pháp (1914-1915, tạm quyền). Từ năm 1916, ông thực hiện một nền cai trị gián tiếp (cho người địa phương lên cai trị, dưới sự giám sát của người Pháp), trái ngược với chính sách Đồng hóa của những người tiền nhiệm. Từ đó, đề án của ông đã trở thành nguyên tắc chỉ đạo của đế quốc Pháp cho đến khi phi thực dân hóa châu Phi. ND.
- (44) Có thể tác giả nhầm, Vollenhoven còn làm ở Đông Dương cho đến ngày 7/4/1915. Ông nhận chức Toàn quyền A. O. F tháng 5/1917. ND

- (45) A. Girault, *Principes de colonisation et de législation coloniale*, 4e éd. 1921-1922, 2e partie, t. 1, p. 379. 36.
- (46) H. Brenier, *Essai d'atlas statistique de l'Indochine française*, p. 57.
- (47) *Le Courrier de Haiphong* ngày 24/8/1917, A.O.M., Gougal Q 9 (f.n.c).
- (48) Các đội quân (dân binh) do các quan chức bản xứ trực tiếp bố trí.
- (49) H. Brenier, *Essai d'atlas statistique de l'Indochine française*, p. 57.
- (50) Về số liệu, xem p. 7; cuối năm 1912, các đội quân da trắng thành lập 3 trung đoàn bộ binh thuộc địa và 3 tiểu đoàn lê dương; các đội quân hỗn hợp, 2 trung đoàn pháo binh thuộc địa và 2 đại đội lính thợ; các đội quân bản xứ, 4 trung đoàn lính tập Bắc Kỳ, 1 trung đoàn lính tập Nam Kỳ, 2 đại đội công binh và một kho hậu cần. Cf. Brenier, p. 57.
- (51) Pennequin, "Nguồn lực để tuyển mộ lính bản xứ ở Đông Dương", *Revue des troupes coloniales*, janvier 1913, p. 13.
- (52) Như trên, p. 19.
- (53) Ngay từ tháng 8/1914, Algeria đã cung cấp 28.930 lính và gọi trừ bị 2.749 người. Ch. Ageron, *Les Algériens musulmans et la France*, Paris, 1968, L 2, p. 1164, n. 3.
- (54) Từ tháng 8 - 12/1914, A.O.F đã gửi sang Pháp hơn 11.000 lính. Cf. M. Michel, *L'Appel à l'Afrique*, p. 50.
- (55) A.N.S.O.M., tư liệu (fonds) Sarraut PA 9, c. 2.
- (56) Chính quyền thực dân Pháp gọi chung những người dùng bạo lực chống lại luật lệ của họ là "bọn cướp". ND.
- (57) A.O.M., Gougal F 03 4199, Báo cáo của Khâm sứ về tình hình chính trị ở Trung Kỳ, quý II năm 1916.
- (58) 2^e trim. 1916. 47. A.N., C 7494/540, Kiến nghị của Laurent Bougère tại phiên họp ngày 21/9/1918.
- (59) A.O.M., Gougal Q 9 (f.n.c), Báo cáo của các tướng ba sao gửi Toàn quyền, 1909-1914.
- (60) A.O.M., Gougal Q 9 (f.n.c), Các thuộc địa gửi ngài Toàn quyền, ngày 19/6/1915.
- (61) Kỹ sư nông học Pháp, tháng 12/1915 chịu trách nhiệm mộ phu ở Trung Quốc cho các nhà máy phục vụ chiến tranh của Pháp.
- (62) Lưu trữ Lịch sử Hải quân (Service historique de la Marine), SS Eb 5, ghi chú của Tùy viên hải quân ở London gửi Bộ Hải quân về việc đưa tới Anh 4.500 phu người Tây Tạng, sau đó người Anh tìm hiểu và loại bỏ, thương lượng nhượng lại họ cho hải quân Pháp, ngày 1/6/1917.
- (63) Général Pedoya, Ủy ban Quân sự trong đại chiến, Paris, 1921, p. 283.
- (64) J. Jolly, *Dictionnaire des parlementaires français (Tủ điển Nghị viện Pháp)*, Paris, 1960-77, t. 2, p. 562 et t. 4, p. 2398.
- (65) A.N., C 7537/1461.
- (66) C. Mangin, *Lettres de guerre (Thư chiến tranh)*, Paris, 1950, p. 61.
- (67) Như trên, thư ngày 11/12/1915.
- (68) Như trên, p. 85.

- (69) Gia đình đã lấy đi và các giấy tờ biến mất từ đó; E. Cazimajou, trong Hồi ký của l'E.N.F.O.M., *Pavie et Pennequin, précurseurs de Gallieni*, thông báo rằng giấy tờ về cái chết của ông tướng được cơ quan quân sự mượn, nhưng chỉ là trước kia, “một cô y tá đã hủy bỏ các bức thư gửi tới các nhân vật cao cấp mà cô ta cho là rất dữ dội...” (lời nói đầu); người ta phải mò mẫm vô cùng để bàn tán về nội dung chính xác của các bức thư này và người nhận, có thể là một bản phúc trình với các cuộc thảo luận hiện tại của Ủy ban Quốc phòng và Đề án Quân đội Da vàng. Bởi vì không bao giờ có tài liệu chính thức nào tiết lộ địa vị cá nhân của Pennequin trong việc tuyển mộ.
- (70) Tại phiên họp của Ủy ban Quốc phòng ngày 12/12/1915, Maurice Bernard bắt đầu bản báo cáo bằng việc tham chiếu dự tính của Pennequin, đạt 35.000 - 40.000 người.
- (71) S.H.A.T., 7 N 2121, thư của Pennequin gửi Bộ trưởng Bộ Chiến tranh, ngày 05/10/1915.
- (72) Phiên họp ngày 12/12/1915.
- (73) Đã trình bày bởi D. Hémery. Ý định thỉnh cầu tiếp nhận người thanh niên Hồ-Chi-Minh vào Trường Thuộc địa, *Vietnam-Asie-Débat*, 1, Paris, 1983, pp. 26-30.
- (74) A.N., 149 AP 11, doss. 3, bản ảnh (thư ngày 12/11/1915).
- (75) Như trên.
- (76) Liên minh Thiêng liêng (Union Cacrée): Một thỏa thuận chính trị tại Pháp trong thời gian Thế chiến I. Theo thỏa thuận này, phe Tả đã đồng ý không phản đối Chính phủ hay kêu gọi bất kỳ cuộc đình công nào trong chiến tranh. ND.

TÓM TẮT

Trước sức ép phải đáp ứng nhu cầu về công nhân và binh lính, năm 1916 nước Pháp đã phải xem xét lại đề án Quân đội Da vàng được đề xuất năm 1912 bởi tướng Pennequin – người đem lại hòa bình ở Bắc Kỳ, và sử dụng nó như là một cơ sở lý thuyết cho việc tuyển mộ mà mục đích từ nay trở đi khác xa những quan niệm của tướng Pennequin.

Ngay từ năm 1911 Pennequin, từ nhận thức về sự tiến triển của xã hội Việt Nam bị biến đổi bởi thực dân hóa và sự xuất hiện của một tầng lớp trung lưu với những khát vọng canh tân, đã đặt ra sự lựa chọn phi thực dân hóa (giải phóng thuộc địa) thông qua đề án thành lập một đội quân quốc gia, một kết cấu vững chắc hiện đại duy nhất của các nước thuộc địa, là trụ cột chính của nền độc lập và xây dựng đất nước.

Là dấu hiệu báo trước của chủ nghĩa đế quốc hiện đại buộc nước Pháp phải có sự thay đổi căn bản trong chính sách thuộc địa của mình, đề án vấp phải sự phản đối nói chung và đã nhanh chóng bị bác bỏ mà không có bất kỳ cải cách nào được thực hiện trong các phương thức tuyển mộ và biên chế của quân đội bản xứ. Sự bác bỏ đề án của Pennequin nói chung đã bác bỏ khuynh hướng của một chính sách thuộc địa tự do mà Napoleon III là người khởi xướng với ý tưởng của ông ta về một Vương quốc Ả Rập.

Việc tuyển mộ tại Đông Dương, được đề xuất như một nguồn dự trữ nhân công, đã được quyết định đồng thời với Nghị định ngày 9/10/1915 về việc tuyển mộ lính của Tây Phi thuộc Pháp, được bành vực bởi sự tranh thủ của Mangin với Ủy ban Quốc phòng, họ lợi dụng để loại trừ hẳn những đề xuất của Pennequin.

Nhưng cùng lúc đó, nhà lãnh tụ theo chủ nghĩa quốc gia Phan Châu Trinh bày tỏ lập trường hòa hoãn, bởi vì ông nhìn thấy trong việc tuyển mộ một cơ hội cho những người ưu tú tiên

tiến của Đông Dương “đi sang Pháp” và tạo dựng cột mốc đầu tiên trong chương trình hiện đại hóa của ông, một điều kiện đi trước sự độc lập của đất nước, trong khi người Pháp lại có quan điểm ngược lại đối với sự hy sinh của người Việt Nam tham gia chiến tranh. Nhận thức được sự thiếu hiệu quả của các cuộc nổi dậy của các nhà nho, các phong trào “phản kháng”, Phan Châu Trinh thực sự có một sự lựa chọn khác ở một đất nước mà hơn 90% dân số vẫn còn là nông dân, không biết đến xã hội công nghiệp?

Về mặt chính trị việc tuyển mộ lính đưa sang mẫu quốc đã dẫn đến việc loại bỏ những nhà cải cách và cải lương cho Đông Dương: Pennequin và Phan Châu Trinh. Hai sự loại bỏ thực sự là “cơ hội bị bỏ lỡ” cho một quá trình phi thực dân hóa không có xung đột.

ABSTRACT

GENERAL PENNEQUIN AND THE PROJECT OF A YELLOW ARMY (1911 - 1915)

In 1916, to meet its need of workers and soldiers, the French government was to reconsider the “Armée jaune” plan formed in 1912 by general Pennequin, the peace-maker in Tonkin.

As far as back as 1911, general Pennequin was aware the Vietnamese society was changing under the influence of the colonization process and the burgeoning of a modern middle-class. He then proposed the decolonization option which included the constitution of a national Vietnamese army, the only modern structure in the colonized countries and hence foundation of independence and national building.

The plan was premonitory of the contemporary imperialisms and compelled the French government to completely change its colonial policy. So it provoked a general hostility and was quickly abandoned without any reform was introduced in recruitment and officering of the native army. In 1915, the plan turned to be used as a justification for recruitments and therefore had little to do with the general's original concepts.

Such a rejection even prevented any liberal colonial policy developing. Recruitment in Indochina, considered as a country where France could take on hands, was decided immediately after the order-in-Council of recruiting in Africa (1915, 9th October): the order was defended by general Mangin's followers and the Army Committee definitely rejected Pennequin's proposals.

However, in the same time, the great nationalist leader Phan-Châu-Trinh bounded to do a truce: he thought modern elites had to seize the opportunity of the recruitment to go to France. These elites should be the prime mover in Vietnam modernization, required as a preliminary of the national independence. In the end of the war, the French government would concede the independence in exchange for Vietnamese' voluntary enlistment.

As a matter of fact, the first world war politically should lead to exclude the reformers in Indochina, Pennequin and Phan-Châu-Trinh, and to prevent any possibility to peacefully decolonize.